

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU BƯỚC ĐẦU VỀ THÀNH PHẦN LOÀI THUỘC HỌ NGỌC LAN (MAGNOLIACEAE Juss.) TẠI TỈNH HÀ GIANG VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG BẢO TỒN CỦA CHÚNG

NGUYỄN QUANG HIẾU, NGUYỄN TIẾN HIỆP

Trung tâm Bảo tồn Thực vật

TỬ BẢO NGÂN

Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

NGUYỄN SINH KHANG

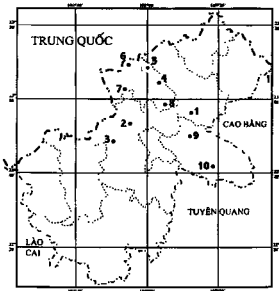
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Trên thế giới, Họ Ngọc lan (Magnoliaceae Juss.) có 17 chi khoảng 300 loài, phân bố ở vùng nhiệt đới tới vùng ôn đới ẩm đặc biệt là vùng Bắc bán cầu từ Đông Nam châu Á, Đông Nam Bắc Mỹ, Trung Mỹ tới Nam Mỹ [6,7,8]. Ở Việt Nam có khoảng 55 loài thuộc 11 chi [1,4,7] phân bố tại nhiều tỉnh miền núi từ Bắc xuống Nam, trong đó có 8 loài đã được đưa vào Sách đỏ Việt Nam [2]. Hầu hết các loài Ngọc lan đều có hoa to, thơm, cho gỗ tốt và chứa tinh dầu, được dùng trong xây dựng, làm đồ gỗ, hàng mỹ nghệ, làm thuốc, gia vị, ngành công nghiệp nước hoa và làm cảnh. Với sự tài trợ của Quỹ đối tác các hệ sinh thái trọng điểm (CEPF), Trung tâm Bảo tồn Thực vật (BTTV) cùng hợp tác với Tổ chức động thực vật quốc tế (Fauna & Flora International - FFI - chương trình Việt Nam) và Chi Cục kiểm lâm tỉnh Hà Giang đã thực hiện chương trình nghiên cứu bảo vệ loài trong đó có các loài thuộc họ Ngọc lan. Bài báo này phản ánh kết quả nghiên cứu về thành phần loài, sinh thái, sinh học, giá trị sử dụng, phân bố, tình trạng bảo tồn của 20 loài mọc hoang đã gặp tại tỉnh Hà Giang. Đây sẽ là cơ sở khoa học để xác định và lựa chọn đúng các loài để bảo tồn trong tương lai.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Từ năm 2011 tới 2014, Trung tâm BTTV đã tổ chức nhiều đợt điều tra tại 10 điểm nghiên cứu: Khu BTTN Du Già (huyện Yên Minh), Khu BTTN Tây Côn Lĩnh (huyện Vị Xuyên), huyện Quản Bạ (các xã Cán Tỷ, Thanh Văn, Nghĩa Thuận (Khu BTTN Bát Đại Sơn), Quyết Tiến, Tùng Vài, Thái An, Tà Ván), huyện Bắc Mê (xã Píềng Luông). Kết quả đã thu được 200 số hiệu mẫu tiêu bản với khoảng 700 mẫu tiêu bản thực vật. Các điểm nghiên cứu có thu thập mẫu vật kèm theo vị trí địa lý được trình bày trong sơ đồ 1. Xác định tên khoa học theo phương pháp so sánh hình thái, trao đổi thông tin với các chuyên gia đầu ngành trên thế giới, so mẫu chuẩn tại phòng tiêu bản Viện thực vật Côn Minh (KUN), Trung Quốc. Thứ hạng bị đe dọa tuyệt chủng theo phiên bản 9.1 tháng 9 năm 2011 của tổ chức IUCN [5].



Hình 1: Các điểm thu mẫu tại tỉnh Hà Giang
1. Yên Minh (Khu BTTN Du Già), 2. Vị Xuyên (Phượng Tiến), 3. Vị Xuyên (Lao Chải, Khu BTTN Tây Côn Lĩnh), 4. Quản Bạ (Cán Tỷ)
5. Quản Bạ (Thanh Văn), 6. Quản Bạ (Nghĩa Thuận), 7. Quản Bạ (Tùng Vài), 8. Quản Bạ (Thái An), 9. Bắc Mê (Mình Sơn), 10. Bắc Mê (Píềng Luông)

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thông tin về các loài đã nghiên cứu được trình bày dưới đây bao gồm: danh pháp khoa học (xếp theo thứ tự abc tên khoa học bậc chi và loài); tên gọi Việt Nam; 1. Sinh thái; 2. Mùa ra hoa, quả; 3. Công dụng; 4. Phân bố trong và ngoài nước; 5. Thứ hạng bị đe dọa tuyệt chủng và người đề xuất (trong ngoặc đơn); 6. Mẫu vật nghiên cứu.

1. *Magnolia cathartii* (Hook.f. & Thomson) Noot., Blumea 31: 88. 1985. - *Alcimandra cathartii* (J.D.Hooker & Thomson) Dandy, Bull. Misc. Inform. Kew. 1927: 260. 1927. - *Michelia cathartii* J.D.Hooker & Thomson, Fl. Ind. 1: 79. 1855 - **Dạ hợp Cachcart. 1. Mọc trong rừng thường xanh núi đá vôi độ cao 1200 m. 2. Ra hoa tháng 5, quả chín tháng 10. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ dùng gia đình. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Yên Minh, Vị Xuyên), còn gặp ở các tỉnh Lào Cai, Kon Tum, Lâm Đồng. Trên thế giới gặp ở Ấn Độ, Myanmar, Thái Lan, Trung Quốc. 5. Ở cấp toàn cầu loài này chưa được đánh giá (NE), ở Trung Quốc xếp thứ hạng Nguy cấp EN [3], ở Việt Nam xếp thứ hạng rất nguy cấp (CR) [2]. Tại Việt Nam phát hiện ít nhất 5 điểm với phạm vi nơi cư trú (AOO) = 28 km², đề nghị xếp ở thứ hạng Nguy cấp EN B2ab(i,ii,iii,iv) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Thái An comm., N.Q.Hieu et al. CKF 074, 083, 085. Id., Yên Minh distr., Du Gia mun., N.Q.Hieu et al. CPC 318, 318B; Id., Vi Xuyen distr., Lao Chai mun., N.Q.Hieu et al. CPC 401.**

2. *Magnolia dandyi* Gagnepain, Notul. Syst. (Paris) 8(1): 63-64. 1939. - *Manglietia dandyi* (Gagnepain) Dandy in Pragowski, World Pollen Spore Fl. 3 (Magnoliaceae): 5. 1974. *Magnolia megaphylla* (Hu & W.C.Cheng) V.S.Kumar. Kew Bull. 61(2): 184. 2006. - **Vàng tâm. 1. Mọc trong rừng núi đất và đá tới 1100 m trên mặt biển. 2. Ra hoa tháng 5-6, quả tháng 11-12 trong năm. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Vị Xuyên), còn gặp ở Sơn La, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc và Lào. 5. Ở cấp toàn cầu, loài này chưa được đánh giá (NE) [3], ở Việt Nam xếp thứ hạng Sẽ nguy cấp (VU) [2]. Tại Việt Nam, loài phân bố rộng, gặp ít nhất tại 9 địa điểm, phạm vi nơi cư trú (AOO) = 68 km², tái sinh tốt, bị khai thác, số lượng cá thể và môi trường sống bị suy giảm. Đề nghị xếp ở thứ hạng Nguy cấp EN B2b(i,ii,iii,iv,v)c(i,ii,iii,iv) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Thanh Van comm., N.Q.Hieu et al. CKF 032; Id., Vi Xuyen distr., Phương Tiên mun., N.Q.Hieu et al. CPC 361.**

3. *Magnolia duclouxii* (Finet & Gagnep.) Hu in H.H.Hu & W.Y.Chun, Icon. Pl. Sin. 2: 18. 1929. - *Manglietia duclouxii* Finet & Gagnepain, Bull. Soc. Bot. France 52 (Mém. 4): 33. 1906. - **Giổi Ducloux. 1. Mọc trong rừng ẩm thường xanh cây lá rộng, độ cao 1300- 1400m. 2. Hoa nở tháng 4-5, quả chín tháng 10-11. 3. Gỗ dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Bắc Mê), còn gặp ở Vĩnh Phúc. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Ở cấp toàn cầu loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Với các thông tin ở Trung Quốc và Việt Nam, ước tính loài này có phạm vi nơi cư trú (AOO) = 40 km², gặp ít nhất 5 địa điểm, tạm xếp ở thứ hạng Nguy cấp EN B2ab(i,ii,iii,iv,v)c(i,ii,iii,iv) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Tung Vai comm., N.Q.Hieu et al. CPC 4960; Id., Bắc Mê distr., Phieng Luong comm., N.Q.Hieu et al., CPC 7377.**

4. *Magnolia grandis* (Hu & W.C.Cheng) V.S.Kumar. Kew Bull. 61(2): 148. 2006. *Manglietia grandis* Hu & W.C.Cheng, Acta Phytotax. Sin. 1: 158. 1951. - **Giổi na. 1. Mọc trong rừng núi đá thường xanh lá rộng, độ cao 1000-1200m. 2. Ra hoa tháng 5, quả chín tháng 9-10. 3. Gỗ dùng trong xây dựng, cây trồng làm cảnh và bóng mát vì tán lá dày, hoa đẹp. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Bắc Mê) còn gặp ở Tuyên Quang. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Trước đây, loài được coi là đặc hữu của Trung Quốc, IUCN xếp vào thứ hạng Rất nguy cấp CR B2ab(i,ii,iii,v);D với phạm vi nơi cư trú (AOO) < 10 km² [3]. Loài mới phát hiện cho hệ thực**

vật Việt Nam, được tìm thấy thêm ít nhất 2 địa điểm với số lượng cá thể < 250 và phạm vi nơi cư trú 16 km². Đề nghị loài cần được xếp vào thứ hạng Nguy cấp EN B2ab(i,ii,iii,v);D1 (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Tung Vai comm., N.Q.Hieu et al. CPC 4962, 4963; Id. Bac Me distr., Phiang Luong comm., N.Q.Hieu et al. CPC 7267, 7288.

5. *Magnolia hongheensis* (Y.M.Shui & W.H.Chen) V.S.Kumar, Kew Bull. 61(2): 184. 2006. - *Manglietia hongheensis* Y.M.Shui & W.H.Chen, Bull. Bot. Res., Harbin. 23(2): 129. 2003. - **Giới hồng.** 1. Mọc ở rừng thường xanh lá rộng cao 1800 m, xen kẽ với *Alnus nepalensis*, *Betula alnoides*, *Carpinus pubescens*. 2. Ra hoa tháng 5, quả chín tháng 10. 3. Gỗ dứa ưa chuộng để đóng đồ dùng. 4. Hà Giang (Vị Xuyên). Trên thế giới còn gặp ở Trung Quốc. 5. Phạm vi toàn cầu loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Quần thể mới ở Việt Nam được phát hiện có khoảng 250-300 cá thể trưởng thành trong khu BTTN Tây Côn Lĩnh, phạm vi nơi cư trú (AOO) < 10 km². Đề nghị xếp vào thứ hạng Rất nguy cấp CR B2b(i,ii,iii,v)c(i,ii,iii,iv);C (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Vi Xuyen distr., Lao Chai mun., N.Q.Hieu et al. CPC 385, 386, 397, 408, 409.

6. *Magnolia hookeri* var. *longirostrata* D.X.Li & R. Z. Zhou, Ann. Bot. Fennici 49: 417-421. 2012. - **Giới mộc, Đa xia** (tiếng H'mông). 1. Mọc trong rừng thường xanh cây lá rộng, trên núi đá, độ cao 1000-1200m. 2. Ra hoa vào tháng 4-5, quả chín vào tháng 10-11. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Bắc Mê, Vị Xuyên), còn gặp ở Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Phạm vi cấp toàn cầu loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Đây là thứ mới bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam, ít nhất gặp tại 9 địa điểm, phạm vi nơi cư trú (AOO) = 56 km², số lượng cá thể bị suy giảm do môi trường sống bị thu hẹp và khai thác. Đề nghị xếp vào thứ hạng Nguy cấp EN B2b(i,ii,iii,iv,v)c(i,ii,iii,iv) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Tung Vai comm., N.Q.Hieu et al. CPC 4860; Id., Bac Me Distr., Phiang Luong comm., N.Q.Hieu et al. CPC 7273, 7278. Id., Vi Xuyen distr., Lao Chai mun., N.Q.Hieu et al. CPC 377.

7. *Magnolia insignis* Wall., Tent. Fl. Nepal.: 5.1824. - *Manglietia insignis* (Wall.) Blume, Fl. Javae 19-20: 23. 1829. - *Manglietia yunnanensis* Hu, Acta Phytotax. Sin. 1: 159. 1951. - **Giới đá.** 1. Mọc trong rừng cây lá rộng, ở độ cao 900-2000 m. 2. Ra hoa tháng 5-6, quả chín tháng 9-10. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Yên Minh) còn gặp ở Lào Cai, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Kon Tum, Lâm Đồng. Trên thế giới gặp ở Ấn Độ, Nepal, Myanmar, Trung Quốc, Thái Lan. 5. Ở phạm vi toàn cầu, loài được xếp ở thứ hạng Ít lo ngại LC [3]. Tại Việt Nam gặp ở ít nhất 8 điểm, có phạm vi nơi cư trú (AOO) = 36 km², số lượng cá thể bị suy giảm do môi trường sống bị thu hẹp và khai thác. Đề nghị xếp vào thứ hạng Nguy cấp EN B2b(i,ii,iii,iv,v)c(i,ii,iii,iv) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Yên Minh distr., Du Gia mun., N.Q.Hieu et al. CPC 279, 288, 290, 307, 310A, 311; Id., Quan Ba distr., Tung Vai comm., N.Q.Hieu et al. CPC 5508.

8. *Magnolia liliifera* (L.) Baillon, Hist. Pl. (Baillon) 1: 141. 1868. - *Magnolia odoratissima* Reinw. ex Blume, Fl. Javae 19-20: 32. 1829. - *Magnolia thamnoides* Dandy, J. Bot. 68: 208. 1930. - *Talauma nhatrangensis* Dandy, J. Bot. 68: 210.1930. - **Dạ hợp.** 1. Mọc nơi ẩm trên đất cát, sệt rừng núi đá với ở độ cao 900-1100 m. 2. Ra hoa vào tháng 4-5, quả chín vào tháng 10-11. 3. Cho gỗ cùi hoặc trồng làm cảnh vì hoa thơm. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Bắc Mê), còn gặp ở Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Quảng Bình. Trên thế giới gặp ở Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Papua New Guinea, Philippines, Singapore, Thailand. 5. *Magnolia liliifera* được xếp Sê nguy cấp VU tại Thái Lan [9]. Ở cấp toàn cầu, đề nghị nên xếp thứ hạng Ít lo ngại LC [3]. Tại Việt Nam, loài phân bố rộng, gặp ít nhất tại 11 địa điểm, có phạm vi nơi phân bố (EOO) = 95.922 km². Đề nghị xếp thứ hạng Ít lo ngại LC (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Bac Me distr., Phiang Luong mun., N.T.Hiep et al. CPC 7459.

9. *Magnolia sinica* (Y.W.Law) Noot., Blumea 31: 91. 1985. - *Pachylarnax sinica* (Y.W.Law) N.H.Xia & C.Y.Wu. In C.Y.Wu, P.H.Raven & D.Y.Hong. FOC. 7: 68-69. 2008. - **Sỏi bắc.** 1. Mọc ở nơi ẩm trong rừng thường xanh lá rộng, độ cao 1300-1600 m. 2. Ra hoa tháng 4, quả chín tháng 9-11. 3. Gỗ dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ), còn gặp ở Thừa Thiên Huế. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Loài mới bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam. Ở cấp toàn cầu loài được xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp CR D vì số lượng cá thể trưởng thành ít hơn 10 và nơi sống bị xâm phạm [3]. Mới đây tại Việt Nam tìm thêm 2 quần thể tại Hà Giang và Thừa Thiên-Huế có phạm vi nơi cư trú (AOO) = 8 km², có số lượng cá thể trưởng thành ước tính < 50. Đề nghị xếp thứ hạng Rất nguy cấp CR B2b(i,ii,iii,iv,v)c(i,ii,iii,iv,v);D1 (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Thái An comm., *N.Q.Hieu et al. CKF 080, 081, 082, 084, 086; G.C.Pao CPC 425.*

10. *Magnolia yunnanensis* (Hu) Noot., Blumea 31: 88. 1985. - *Parakmeria yunnanensis* Hu, Acta Phytotax Sin. 1: 2. 1951. - *Parakmeria robusta* (B.L.Chen & Noot.) Q.N.Vu & N.H.Xia, J. Trop. Subtrop. Bot. 19: 314. 2011. - **Giỏi vân nam.** 1. Mọc ở rừng thường xanh lá rộng, độ cao 1200-1500 m. 2. Ra hoa tháng 5, quả chín tháng 9-10. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Vị Xuyên), còn gặp ở Lâm Đồng. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Ở cấp toàn cầu, loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Đây là loài mới bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam, gặp ít nhất tại 5 địa điểm phân cách khác nhau, phạm vi nơi cư trú (AOO) = 32km², bị khai thác nhiều vì gỗ tốt. Đề nghị xếp thứ hạng Nguy cấp EN B2ab(i,ii,iii,iv,v)c(i,ii,iii,iv) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Tung Vai comm., *N.Q.Hieu et al. CPC 4961; Id.,* Vị Xuyên distr., Lao Chai mun., *N.Q.Hieu et al. CPC 364, 387; Id.,* Bac Me distr., Phiang Luong comm., *N.Q.Hieu et al. CPC 7376.*

11. *Michelia balansae* (A.DC.) Dandy, Bull. Misc. Inform. Kew 1927 (7): 263. 1927. - *Magnolia balansae* Aug. Candolle, Bull. Herb. Boissier, sér. 2, 4(3): 294-295. 1904. - *Michelia baviensis* Finet & Gagnepain. Bull. Soc. Bot. France. 52 (Mem. r): 44, pl. 5B. 1905. - **Giỏi lông.** 1. Mọc ở rừng thường xanh lá rộng, ven sông suối, độ cao 300-1000 m. 2. Ra hoa tháng 3-6, quả chín tháng 9-10. 3. Gỗ làm củi. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Vị Xuyên, Bắc Mê) còn gặp ở Yên Bái, Hòa Bình, Tuyên Quang, Hà Tây, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Ở cấp toàn cầu loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Tại Việt Nam và Trung Quốc gặp ít nhất 16 địa điểm khác nhau, tái sinh tự nhiên tốt, gỗ không có giá trị nên ít bị khai thác, mối đe dọa chủ yếu là nơi sống bị thu hẹp. Tạm xếp ở thứ hạng Ít bị lo ngại LC (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Vị Xuyên distr., Phuong Tien mun., *N.Q.Hieu et al. CPC 360; Id.,* Quan Ba distr., Tung Vai comm., *N.Q.Hieu et al. CPC 4853, 4854, 4861; Id.,* Thanh Van comm., *N.Q.Hieu et al. CKF 020; Id.,* Thái An comm., *N.Q.Hieu et al. CKF 095; Id.,* Bac Me distr., Phiang Luong mun., *L.Averyanov et al. CPC 7451.*

12. *Michelia citrata* (Noot. & Chalermglin) Q.N.Vu & N.H.Xia, J. Biol. (Vietnam) 33(4): 42. 2011. - *Magnolia citrata* Noot. & Chalermglin, Blumea 52: 559. 2007. - **Giỏi chanh.** 1. Mọc trong rừng thường xanh cây lá rộng, mưa mùa nhiệt đới, ở độ cao 700-1400 m. 2. Ra hoa tháng 4-5, quả chín vào tháng 8-10. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ, lá làm gia vị. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ), còn gặp ở Gia Lai, Lâm Đồng. Trên thế giới gặp ở Thái Lan (Chiềng Mai: Nan và Loei). 5. Loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Với các dẫn liệu có được, trên thế giới, loài gặp ít nhất tại 5 địa điểm, với diện tích nơi cư trú (AOO) = 32 km², số lượng cá thể trưởng thành ở mỗi tiểu quần thể (ai) ≤ 250. Đề nghị xếp vào thứ hạng Nguy cấp EN B2ab(i-v);C2a(i);D (T.B. Ngan). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Tung Vai mun., *T.B.Ngan et al. CPC 7333.*

13. *Michelia coriacea* Hung T. Chang & B.L.Chen. Acta Sci. Nat. Univ. Sunyatseni 3: 89. 1988; *Magnolia coriacea* (Hung T. Chang & B.L.Chen) Figlar. Proc. Int. Symp. Fam. Magnoliac. 1998: 21. 2000. - **Giỏi lá dai, Giỏi đá.** 1. Mọc ở rừng thường xanh, núi đá vôi, độ

cao 1000-1200 m. 2. Ra hoa tháng 1-4, quả chín tháng 9-10. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ), còn gặp ở Cao Bằng, Sơn La. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Trước đây, loài được coi là đặc hữu của Trung Quốc có diện tích nơi cư trú (AOO) = 4.190 km², số lượng cá thể trưởng thành 300-500. Ở mức toàn cầu nhóm chuyên gia của IUCN xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp CR B2ab(i,ii,iii,v) [3]. Những phát hiện mới ở Việt Nam có thể khẳng định loài phân bố ở Đông Nam Trung Quốc và Bắc Việt Nam, ít nhất gặp tại 5 địa điểm, phân cách (Trung Quốc 2 địa điểm Xichou và Malipo, Việt Nam 3 địa điểm), phạm vi nơi cư trú (AOO) ước tính 16 km². Hợp lý hơn nên xếp thứ hạng Nguy cấp EN B2ab(i,ii,iii,iv,v) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Thanh Van comm., N.T.Hiep et al., NTH 6261; Id., Can Ty comm., N.T.Hiep et al., NTH 6268, 6270.

14. *Michelia floribunda* Finet & Gagnep., Mém. Soc. Bot. France 4: 46. 1906. - *Magnolia floribunda* (Finet & Gagnep.) Figlar, Proc. Int. Symp. Magnoliac. 1: 21. 2000. - **Giới nhiều hoa. 1. Mộc trong rừng ẩm thường xanh, độ cao 1300-1600 (2700) m. 2. Ra hoa tháng 2-4, quả chín tháng 8-9. 3. Gỗ dùng trong xây dựng. 4. Ngoài Hà Giang (Bắc Mê), còn gặp ở Lào Cai, Lâm Đồng. Trên thế giới gặp ở Myanmar, Thái Lan, Lào và Trung Quốc. 5. Phạm vi toàn cầu loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Loài phân bố rộng, ước tính trên thế giới gặp ít nhất từ 11 địa điểm. Đề nghị xếp ở thứ hạng Ít lo ngại LC (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Bắc Mê distr., Phieng Luong comm., N.Q.Hieu et al. CPC 7321.**

15. *Michelia foveolata* Merrill ex Dandy, J. Bot. 66(12): 360. 1928. *Magnolia foveolata* (Merr. ex Dandy) Figlar, Proc. Int. Symp. Magnoliac. 1: 22. 2000. - **Giới lá láng. 1. Mộc ở rừng thường xanh lá rộng, ẩm, độ cao 500-1800 m. 2. Ra hoa tháng 3-5, quả chín tháng 9-10. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Bắc Mê), còn gặp ở Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Phạm vi toàn cầu loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Loài phân bố rộng, tại Việt Nam và Trung Quốc phát hiện được ít nhất 20 địa điểm, nên xếp vào thứ hạng Ít lo ngại LC (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Thái An comm., N.Q.Hieu et al. CKF 075, 076, 077, 078, 087; Id., Tung Vai comm., N.Q.Hieu et al. CPC 5533; Id., Bac Me distr., Phieng Luong comm., N.Q.Hieu et al. CPC 7277, 7375.**

16. *Michelia fulva* Hung T. Chang & B.L.Chen. Acta Sci. Nat. Univ. Sunyatseni 3: 87. 1987. - *Magnolia fulva* (Hung T. Chang & B.L.Chen) Figlar, Proc. Internat. Symp. Fam. Magnoliac. 1998: 22. 2000. - *Michelia calcicola* C.Y.Wu ex Y.H.Law & Y.F.Wu. Acta Bot. Yunnan. 10(3): 339-340. f. 5 (9-16). 1988. - **Giới lông. 1. Mộc ở rừng thường xanh cây lá rộng trên núi đá vôi, độ cao 600-1700 m. 2. Ra hoa tháng 4-5, quả chín tháng 10-11. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ), còn gặp ở Cao Bằng, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Phạm vi toàn cầu chưa được đánh giá (NE) [3]. Với phát hiện mới tại Việt Nam, trên thế giới loài này gặp ít nhất tại 6 địa điểm (≤ 10), phân cách nhau (Trung Quốc 2, Việt Nam 4), phạm vi nơi cư trú (AOO) = 36 km². Đề nghị xếp thứ hạng Nguy cấp EN B2ab(i,ii,iii,v) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Hà Giang prov., Quan Ba distr., Tung Vai comm., N.Q.Hieu et al. CPC 4999. Id., Nghĩa Thuận mun., N.T.Hiep et al. NTH 6248, 6259, 6260; Id., N.T.Hiep et al. CPC 150, 151; Id., Can Ty mun., N.T.Hiep et al. CPC 138. Id., Thanh Van comm., N.Q.Hieu et al. CKF 052.**

17. *Michelia martinii* (H. Lévillé) Finet & Gagnepain ex H. Lévillé. Fl. Kouy-Tchéou: 270. 1914-1915. - *Magnolia martini* H. Lévillé, Bull. Soc. Agric. Sarthe 39: 321. 1904- **Giới Martin. 1. Mộc ở rừng núi đá vôi, độ cao 1000-2000 (2300) m. 2. Ra hoa tháng 2-3, quả chín tháng 8-10. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Bắc Mê), còn gặp ở Lào Cai, Tuyên Quang, Cao Bằng, Sơn La, Nghệ An, Quảng Bình. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc. 5. Phạm vi toàn cầu loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Tại Việt Nam và Trung**

Quốc phát hiện được ít nhất tại 10 địa điểm, bị chia cắt, phạm vi nơi cư trú (AOO) = 40 km², kích thước quần thể bị thu hẹp do điều kiện sống bị đe dọa và khai thác. Đề nghị xếp vào thứ hạng nguy cấp EN B2b(i,ii,iii,iv,v) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Ha Giang prov., Quan Ba distr., Thanh Van comm., *N.T.Hiep et al. NTH 6249*; *Id.*, Quan Ba distr., Tung Vai comm., *N.Q.Hieu et al. CPC 4969*; *Id.*, Bac Me distr., Phiang Luong comm., *N.Q.Hieu et al. CPC 7290, 7292, 7297, 7337*.

18. *Michelia lacei* W.W.Smith, Notes Roy. Bot. Gard. Edinburgh 12: 216. 1920. - *Magnolia lacei* (W.W.Smith) Figlar, Proc. Int. Symp. Magnoliac. 1: 22. 2000. - **Giới quần hoa**. 1. Mọc rừng ẩm thường xanh trên núi đá vôi, độ cao 1200 m. 2. Ra hoa tháng 2, quả chín tháng 8. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ), còn gặp ở Lào Cai. Trên thế giới gặp ở Myanmar, Thái Lan và Trung Quốc. 5. Phạm vi toàn cầu, loài được xếp thứ hạng Rất nguy cấp CR D vì loài ước tính 50-60 cá thể trưởng thành [3]. Các dẫn liệu từ Việt Nam khẳng định phạm vi nơi cư trú (AOO) = 12km², và gặp ít nhất tại 5 địa điểm. Đề nghị xếp thứ hạng Nguy cấp EN B2ab(i,ii,iii,iv,v) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Ha Giang prov., Quan Ba distr., Thanh Van mun., *N.T.Hiep et al. CPC 167*.

19. *Michelia masticata* Dandy, J. Bot. 67: 222.1929. - *Magnolia masticata* (Dandy) Figlar, Proc. Int. Symp. Magnoliac. 1: 23. 2000. 1. Mọc trong rừng ẩm thường xanh núi đất hoặc núi đá vôi, độ cao 1000-1300 m. 2. Ra hoa tháng 4-5, quả chín tháng 10. 3. Gỗ dùng trong xây dựng. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Bắc Mê), còn gặp ở Tuyên Quang, Bắc Kạn, Hòa Bình, Điện Biên, Quảng Bình. Trên thế giới gặp ở Trung Quốc và Lào. 5. Phạm vi toàn cầu loài chưa được đánh giá (NE) [3]. Loài gặp ít nhất tại 8 địa điểm phân cách khác nhau, phạm vi nơi cư trú (AOO) ước tính = 52 km². Đề nghị xếp thứ hạng Sẽ nguy cấp VU B2ab(i,ii,iii,iv,v) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Ha Giang prov., Quan Ba distr., Tung Vai comm., *N.Q.Hieu et al. CPC 4894, 4899*; *Id.*, Bac Me distr., Phiang Luong comm., *N.Q.Hieu et al. CPC 7266*.

20. *Woonyoungia septentrionalis* (Dandy) Y. W. Law, Bull. Bot. Res. Harbin 17 (4): 355-356. 1997; Xia Nianhe, Liu Yuhu, Noot. In C.Y.Wu, P.H.Raven & D.Y.Hong. FOC. 7: 68. 2008. *Kmeria septentrionalis* Dandy J. Bot. 69 (9): 233. 1931. - *Magnolia kwangsiensis* Figlar & Noot. Blume. 49(1): 96. 2004. - **Giới quả tròn**. 1. Mọc trong rừng núi đá và núi đất ở độ cao 900-1150m, tái sinh tự nhiên tốt. 2. Ra hoa tháng 5-6, quả chín tháng 10-11 trong năm. 3. Gỗ tốt dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc. 4. Ngoài Hà Giang (Quản Bạ, Bắc Mê), còn gặp ở Tuyên Quang, Phú Thọ, Hòa Bình, Sơn La, Thanh Hóa, Quảng Bình. Trên thế giới còn gặp ở Nam Trung Quốc. 5. Ở cấp toàn cầu loài này chưa được đánh giá (NE) [3]. Các thông tin về phân bố đã xác định phạm vi nơi cư trú (AOO) ước tính 44 km², tại Việt Nam và Trung Quốc phát hiện ít nhất tại 10 địa điểm, phân cách, số lượng cá thể giảm do bị khai thác và nơi sống bị thu hẹp. Đề nghị xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp VU B2ab(i,ii,iii,iv,v) (N.Q. Hiếu et al.). 6. Ha Giang prov., Quan Ba distr., Thanh Van comm., *N.Q.Hieu et al. CKF 018*; *Id.*, *N.Q.Hieu et al. CKF 050, 053, 055, 062*; *Id.*, Can Ty comm., *T.B.Ngân et al. CPC 7343*; *Id.*, Bac Me distr., Phiang Luong comm., *N.Q.Hieu et al. CPC 7289*; *N.T.Hiep et al. CPC 7456*.

III. KẾT LUẬN

Họ Ngọc lan tại Hà Giang rất đa dạng với 20 loài chiếm tỷ lệ 36,3% số loài của Việt Nam. Trong số đó, sáu loài và một thứ *Magnolia grandis*, *Magnolia hongheensis*, *Magnolia hookeri* var. *longirostrata*, *Magnolia sinica*, *Magnolia yunnanensis*, *Michelia coriacea*, *Woonyoungia septentrionalis* là những loài mới phát hiện đối với hệ thực vật Việt Nam. Nhiều loài trong đó đang bị đe dọa tuyệt chủng. Nguyên nhân chủ yếu là môi trường sống của chúng tiếp tục bị hủy hoại chủ yếu do nạn chặt củi cùng lửa rừng. 2 loài được xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp (CR) là: *Magnolia sinica* và *Magnolia hongheensis*. 12 loài được xếp ở thứ hạng Nguy cấp (EN) là: *Magnolia cathcartii*, *M. dandyi*, *M. duclouxii*, *M. grandis*, *M. hookeri* var. *longirostrata*, *M. insignis*, *M. yunnanensis*, *Michelia citrata*, *M. coriacea*, *M. fulva*, *M. martinii*, *M. lacei*. 2 loài xếp ở thứ

hạng Sê nguy cấp (VU) là: *Michelia masticata* và *Woonyoungia septentrionalis*. 4 loài được xếp ở thứ hạng Ít lo ngại (LC) là *Magnolia liliifera*, *Michelia balansae*, *M. floribunda*, *M. foveolata*.

Lời cảm ơn: Để hoàn thành bài báo này chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới Quỹ đối tác các hệ sinh thái trọng điểm (CEPF), Quỹ cây xanh toàn cầu (Global Trees Campaign-GTC) và Quỹ các loài tiêu biểu (Flagship Species Fund-FSF), Vương Quốc Anh; đề tài TN3/T15 thuộc chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KHCN-TN3/11-15 đã cung cấp kinh phí; Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hà Giang; Fauna & Flora International (Chương trình Việt Nam); UBND các huyện Quản Bạ, Mèo Vạc, Vị Xuyên, Yên Minh và người dân địa phương đã tạo điều kiện giúp đỡ để thực hiện nghiên cứu và có thể thu thập số liệu tại thực địa. Cảm ơn GS. Young-Kang Sima, Viện Hàn lâm Lâm nghiệp Vân Nam, GS. Wei-Bang Sun, Shui Yu Min, Viện thực vật Côn Minh, Trung Quốc đã hợp tác trong việc xác định tên khoa học. Cuối cùng là cảm ơn Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho lưu giữ các mẫu tiêu bản phục vụ cho nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên), 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, II.7-16.
2. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, 2007. Sách đỏ Việt Nam (Phần II. Thực vật), Nxb. KHTN&CN, Hà Nội, trang 268- 276.
3. Cicuzza Daniele, Adrian Newton and Sara Oldfield, 2007. The Red List of Magnoliaceae. Fauna & Flora International, Cambridge, UK. 52 pp.
4. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh. I: 230-242.
5. IUCN Red list Categories and Criteria, 2011. Version 9.0 (September 2011).
6. Mabberley D.J., 2000. The Plant Book - A portable dictionary of the vascular plants (second edition), Cambridge University Press, 858 pp.
7. Vu Quang Nam, 2011. Taxonomic Revision of the Family Magnoliaceae from Vietnam, Thesis of Doctorate, Graduate University of The Chinese Academy of Sciences, Guangzhou. 241 pp.
8. Xia, N. H., Y. H. Liu, H. P. Nooteboom, 2008. "Magnoliaceae", Flora of China, 7, Science Press, Beijing, Missouri Botanical Garden Press, St. Louis. p. 48-91.
9. <http://www.iucnredlist.org/details/39004/0>.

PRELIMINARY STUDIES ON THE DIVERSITY OF MAGNOLIAS OF HA GIANG PROVINCE AND THEIR CONSERVATION STATUS

NGUYEN QUANG HIEU, NGUYEN TIEN HIEP, TU BAO NGAN, NGUYEN SINH KHANG

SUMMARY

The present review includes summary data on the nomenclature, vernacular name, habitat, phenology, distribution, conservation status and exsiccatae of 20 species of Magnolias hitherto recorded in the Ha Giang province, Vietnam. Six species and one variety as *Magnolia grandis*, *M. hongheensis*, *M. hookeri* var. *longirostrata*, *M. sinica*, *M. yunnanensis*, *Michelia coriacea*, *Woonyoungia septentrionalis* are found in Ha Giang and represent new records for the flora of the country. Twenty species are listed as threatened (2 as Critically Endangered (CR), 12 as Endangered (EN) and 2 as Vulnerable (VU) and 4 as Least concern (LC). Observations, records and discoveries are based on reliable scientific literature and collected voucher herbarium specimens housed in main regional herbaria.